

BẢN TIN DỰ BÁO THỦY VĂN HẠN NGẮN CÁC SÔNG, KÊNH, RẠCH TỈNH AN GIANG

1. Diễn biến xu thế mực nước:

- Đầu nguồn sông Cửu Long và vùng hạ lưu sông : Mực nước cao nhất ngày tại các trạm xuống dần trong 5 ngày tới;mực nước thấp nhất ngày xuống chậm trong 2-3 ngày tới, sau đó lên theo triều.

- Nội đồng TGLX: Mực nước trên các kênh, rạch trong khu vực xuống chậm trong những ngày tới.

2. Bảng số liệu dự báo từ ngày 19/12 đến 23/12/2024

| STT | Trạm       | sông, kênh, rạch    | Cấp báo động (m) |       |        | Đặc trưng | Mực nước thực đo (m) |                     |             | Mực nước dự báo (m) |       |       |       |       |
|-----|------------|---------------------|------------------|-------|--------|-----------|----------------------|---------------------|-------------|---------------------|-------|-------|-------|-------|
|     |            |                     | BĐ I             | BĐ II | BĐ III |           | 18/12                | So với cùng kỳ 2023 | So với TBNN | 19/12               | 20/12 | 21/12 | 22/12 | 23/12 |
| 1   | Tân Châu   | Tiền                | 3.50             | 4.00  | 4.50   | Max       | 1.75                 | -0.07               | -0.09       | 1.70                | 1.63  | 1.58  | 1.55  | 1.54  |
|     |            |                     |                  |       |        | Min       | 0.33                 | -0.08               | -0.93       | 0.28                | 0.25  | 0.23  | 0.24  | 0.26  |
| 2   | Chợ Mới    | Ông Chưởng          | 2.00             | 2.50  | 3.00   | Max       | 1.86                 | 0.03                | 0.28        | 1.81                | 1.74  | 1.69  | 1.66  | 1.65  |
|     |            |                     |                  |       |        | Min       | 0.15                 | -0.09               | -0.51       | 0.10                | 0.07  | 0.05  | 0.06  | 0.08  |
| 3   | Khánh An   | Hậu                 | 4.20             | 4.70  | 5.20   | Max       | 1.89                 | -0.01               | -0.07       | 1.84                | 1.77  | 1.72  | 1.69  | 1.68  |
|     |            |                     |                  |       |        | Min       | 1.09                 | -0.02               | -0.56       | 1.04                | 1.01  | 0.99  | 1.00  | 1.02  |
| 4   | Châu Đốc   | Hậu                 | 3.00             | 3.50  | 4.00   | Max       | 1.99                 | 0.02                | 0.24        | 1.94                | 1.87  | 1.82  | 1.79  | 1.78  |
|     |            |                     |                  |       |        | Min       | 0.38                 | -0.06               | -0.71       | 0.33                | 0.30  | 0.28  | 0.29  | 0.31  |
| 5   | Long Xuyên | Hậu                 | 1.90             | 2.20  | 2.50   | Max       | 2.09                 | 0.20                | 0.47        | 2.04                | 1.97  | 1.92  | 1.89  | 1.88  |
|     |            |                     |                  |       |        | Min       | 0.16                 | -0.03               | -0.22       | 0.11                | 0.08  | 0.06  | 0.07  | 0.09  |
| 6   | Vàm Nao    | Vàm Nao             | 2.50             | 2.90  | 3.30   | Max       | 1.94                 | 0.07                | 0.30        | 1.89                | 1.82  | 1.77  | 1.74  | 1.73  |
|     |            |                     |                  |       |        | Min       | 0.20                 | -0.04               | -0.57       | 0.15                | 0.12  | 0.10  | 0.11  | 0.13  |
| 7   | Xuân Tô    | Vĩnh Tế             | 3.00             | 3.50  | 4.00   | Max       | 0.85                 | 0.15                | -0.32       | 0.82                | 0.78  | 0.75  | 0.72  | 0.70  |
|     |            |                     |                  |       |        | Min       | 0.50                 | 0.10                | -0.67       | 0.47                | 0.43  | 0.40  | 0.37  | 0.35  |
| 8   | Vĩnh Gia   | Vĩnh Tế             | 2.00             | 2.40  | 2.80   | Max       | 0.60                 | 0.16                | 0.01        | 0.57                | 0.53  | 0.50  | 0.47  | 0.45  |
|     |            |                     |                  |       |        | Min       | 0.54                 | 0.16                | 0.01        | 0.51                | 0.47  | 0.44  | 0.41  | 0.39  |
| 9   | Tri Tôn    | Tri Tôn             | 2.00             | 2.40  | 2.80   | Max       | 0.96                 | 0.17                | -0.06       | 0.92                | 0.88  | 0.85  | 0.82  | 0.80  |
|     |            |                     |                  |       |        | Min       | 0.56                 | 0.13                | -0.34       | 0.52                | 0.48  | 0.45  | 0.42  | 0.40  |
| 10  | Cô Tô      | Tri Tôn             | 1.40             | 1.80  | 2.20   | Max       | 1.01                 | 0.13                | 0.21        | 0.97                | 0.93  | 0.90  | 0.87  | 0.85  |
|     |            |                     |                  |       |        | Min       | 0.76                 | 0.09                | 0.02        | 0.72                | 0.68  | 0.65  | 0.62  | 0.60  |
| 11  | Lò Gạch    | Tám Ngàn            | 1.70             | 2.10  | 2.50   | Max       | 0.62                 | 0.15                | -0.02       | 0.58                | 0.54  | 0.51  | 0.48  | 0.46  |
|     |            |                     |                  |       |        | Min       | 0.50                 | 0.15                | -0.09       | 0.46                | 0.42  | 0.39  | 0.36  | 0.34  |
| 12  | Vọng Thê   | Ba Thê              | 1.40             | 1.80  | 2.20   | Max       | 1.18                 | 0.17                | 0.28        | 1.14                | 1.10  | 1.07  | 1.04  | 1.02  |
|     |            |                     |                  |       |        | Min       | 0.93                 | 0.14                | 0.08        | 0.89                | 0.85  | 0.82  | 0.79  | 0.77  |
| 13  | Vĩnh Hanh  | Núi Chóc Nặng Gù    | 1.90             | 2.30  | 2.70   | Max       | 1.58                 | 0.17                | 0.30        | 1.54                | 1.50  | 1.47  | 1.44  | 1.42  |
|     |            |                     |                  |       |        | Min       | 0.89                 | 0.12                | -0.13       | 0.85                | 0.81  | 0.78  | 0.75  | 0.73  |
| 14  | Núi Sập    | Rạch Giá Long Xuyên | 1.40             | 1.80  | 2.20   | Max       | 1.19                 | 0.17                | 0.14        | 1.15                | 1.11  | 1.08  | 1.05  | 1.03  |
|     |            |                     |                  |       |        | Min       | 0.85                 | 0.16                | -0.06       | 0.81                | 0.77  | 0.74  | 0.71  | 0.69  |

3. Cảnh báo (nếu có):

Trên sông Hậu tại Long Xuyên, mực nước cao nhất ngày có khả năng ở mức trên BĐI 0.05-0.15m. Cấp độ rủi ro thiên tai do lũ, ngập lụt: Cấp 1.

4. Ghi chú:

- Thông tin dự báo được đăng trên website: <http://kttv.angiang.gov.vn/du-bao-thuy-van>

Tin phát lúc 11h00 ngày 19/12/2024  
Duyệt bản tin: Lưu Văn Ninh

Dự báo viên: Phan Minh Đạt  
Huỳnh Nguyễn Khánh Loan